

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Đầu tư Chứng khoán Bản Việt**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



**Shape the future
with confidence**

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Đầu tư Chứng khoán Bản Việt**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 47

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 85/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304524894 ngày 28 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, Tòa nhà HM Town, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Cung Trần Việt	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Pho Hop	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Pho Hop	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2020
Bà Trần Đỗ Quyên	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2026
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là ông Phạm Pho Hop - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông Phạm Phơ Hốp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13483489/E-70160554/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		219.187.211.623	237.263.736.220
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	15.995.866.163	100.904.016.669
111	1. Tiền		957.206.465	8.665.567.226
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.038.659.698	92.238.449.443
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	200.873.459.810	129.862.384.460
121	1. Đầu tư ngắn hạn		205.165.696.836	130.014.479.118
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(4.292.237.026)	(152.094.658)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.245.379.787	5.722.129.042
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	-	4.996.583.865
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	1.087.863.456	454.913.418
135	3. Các khoản phải thu khác	8	157.516.331	270.631.759
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.072.505.863	775.206.049
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	673.473.621	376.173.807
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	399.032.242	399.032.242
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.125.682.006	2.023.428.414
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		707.500.372	621.431.700
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	707.500.372	621.431.700
220	II. Tài sản cố định		169.889.671	381.243.523
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11.1	137.806.333	331.660.183
222	Nguyên giá tài sản cố định		3.187.174.044	3.187.174.044
223	Hao mòn tài sản cố định		(3.049.367.711)	(2.855.513.861)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11.2	32.083.338	49.583.340
228	Nguyên giá tài sản cố định		844.609.998	844.609.998
229	Hao mòn tài sản cố định		(812.526.660)	(795.026.658)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	4.870.839.310	842.279.950
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		4.881.295.918	4.881.295.918
258	2. Đầu tư dài hạn khác		4.028.559.360	-
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(4.039.015.968)	(4.039.015.968)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		377.452.653	178.473.241
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	377.452.653	178.473.241
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		225.312.893.629	239.287.164.634



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.561.543.601	3.231.346.093
310	I. Nợ ngắn hạn		4.251.543.601	2.921.346.093
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	264.083.728	458.455.245
315	2. Phải trả người lao động		2.299.871.136	1.566.471.136
316	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.169.851.514	385.115.380
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	30.031.523	23.598.632
323	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	487.705.700
330	II. Nợ dài hạn		310.000.000	310.000.000
359	1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		310.000.000	310.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		220.751.350.028	236.055.818.541
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		305.250.000	305.250.000
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.446.100.028	35.750.568.541
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		225.312.893.629	239.287.164.634

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

B01a-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.080.293.339	1.080.293.339
006	2. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		37.717.140.000	10.568.640.000
007	- Chứng khoán giao dịch		37.717.140.000	10.568.640.000
020	3. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		72.392.546.200	73.064.082.300
030	4. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	33.409.607.503	25.413.206.980
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		33.409.607.503	25.413.206.980
040	5. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	480.479.219.428	233.910.973.195
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		480.479.219.428	233.910.973.195
050	6. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	19	746.890.000	-
051	7. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	20	30.957.079	3.624.979.521

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán



Bà Trần Đỗ Quyền
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
01	1. Doanh thu		3.732.121.784	1.887.441.130
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21	3.732.121.784	1.887.441.130
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	22	(11.671.296.168)	(9.596.128.110)
20	4. Lỗ gộp từ hoạt động kinh doanh		(7.939.174.384)	(7.708.686.980)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	15.301.012.738	12.624.694.610
22	6. Chi phí tài chính	24	(17.792.009.142)	(6.722.754.315)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(4.821.239.659)	(3.586.016.690)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.251.410.447)	(5.392.763.375)
31	9. Thu nhập khác		894.662.377	297.758.163
32	10. Chi phí khác		(947.720.443)	(344.547.445)
40	11. Lỗ khác		(53.058.066)	(46.789.282)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(15.304.468.513)	(5.439.552.657)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-	(52.423.738)
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(15.304.468.513)	(5.491.976.395)
70	15. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	27	(765)	(285)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán

Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
02	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		384.117.425.772	204.631.029.314
03	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(451.133.411.960)	(283.630.486.254)
05	3. Tiền chi trả lương cho người lao động		(9.141.763.637)	(7.606.055.374)
06	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(52.423.738)
07	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		476.952.227	502.271.444
	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.895.191.808)	(1.782.028.674)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(77.575.989.406)	(87.937.693.282)
23	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
24	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.200.000.000)	(1.000.000.000)
25	2. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		3.100.000.000	-
26	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.228.559.360)	(2.500.000.000)
27	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.500.000.000
	5. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		996.398.260	1.184.703.052
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(7.332.161.100)	184.703.052
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	23.144.250.000
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	23.144.250.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(84.908.150.506)	(64.608.740.230)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	100.904.016.669	89.051.613.777
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	15.995.866.163	24.442.873.547

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026		Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	130.000.000.000	200.000.000.000	20.265.000.000	-	-	-	150.265.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.608.500.000)	305.250.000	2.913.750.000	-	-	-	305.250.000	305.250.000
3. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.606.859.427	-	-	-	-	-	3.606.859.427	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		75.531.862.841	35.750.568.541	-	(5.491.976.395)	-	(15.304.468.513)	70.039.886.446	20.446.100.028
TỔNG CỘNG		206.530.222.268	236.055.818.541	23.178.750.000	(5.491.976.395)	-	(15.304.468.513)	224.216.995.873	220.751.350.028

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người kiểm soát:



Bà Trần Đỗ Quyền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 85/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304524894 ngày 28 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, Tòa nhà HM Town, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 22 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2025: 22 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi giao dịch tại công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua và bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC, căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp góp vốn, doanh nghiệp góp vốn xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích} \\ \text{dự phòng cho} \\ \text{từng khoản} \\ \text{đầu tư} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ} \\ \text{thực góp (\%)} \text{ của doanh} \\ \text{nghiệp tại tổ chức kinh} \\ \text{tế nhận vốn góp tại thời} \\ \text{điểm trích lập dự phòng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Vốn đầu tư thực tế} \\ \text{của các chủ sở} \\ \text{hữu ở tổ chức} \\ \text{kinh tế nhận vốn} \\ \text{góp tại thời điểm} \\ \text{trích lập dự phòng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở hữu} \\ \text{của tổ chức kinh} \\ \text{tế nhận vốn góp} \\ \text{tại thời điểm trích} \\ \text{lập dự phòng} \end{array}$$

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" hoặc "*Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán*" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- ▶ Chi phí trả trước thuê bao dữ liệu phần mềm;
- ▶ Chi phí khám sức khỏe; bảo hiểm sức khỏe nhân viên;
- ▶ Cước phí internet;
- ▶ Phí bảo trì, lắp đặt;
- ▶ Phí dịch vụ tích hợp và chữ ký số;
- ▶ Chi phí mua thiết bị văn phòng;
- ▶ Phí làm huy hiệu;
- ▶ Chi phí mua phần mềm;
- ▶ Phí lưu kho;

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nâng cấp văn phòng	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

3.9 *Lợi ích của nhân viên*

3.9.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác hàng tháng. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

3.9.2 *Trợ cấp thôi việc*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Thời gian để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.9.3 *Trợ cấp thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.10 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các quỹ

Các quỹ của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.16 Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

3.17 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tiền mặt	7.107.427	21.752.427
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	15.038.659.698	65.238.449.443
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	950.099.038	8.643.814.799
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	-	27.000.000.000
	15.995.866.163	100.904.016.669

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 4,75%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Chứng khoán kinh doanh (i)	203.965.696.836	126.914.479.118
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ii)	1.200.000.000	3.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (iii)	(4.292.237.026)	(152.094.658)
	200.873.459.810	129.862.384.460

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(i) Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026			Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM và cổ phiếu chưa niêm yết						
VCI	14.758.471.447	14.135.175.000	(623.296.447)	19.906.775.440	20.474.000.000	-
PVS	13.504.234.986	12.573.000.000	(931.234.986)	21.719.446	24.010.000	-
BVB	9.450.910.821	8.964.900.000	(486.010.821)	4.981.340.820	4.830.102.000	(151.238.820)
TLG	5.101.895.135	4.915.000.000	(186.895.135)	5.325.994.120	5.467.000.000	-
Khác	65.872.592.795	64.610.433.500	(2.064.799.637)	4.936.770	4.083.600	(855.838)
	108.688.105.184	105.198.508.500	(4.292.237.026)	30.240.766.596	30.799.195.600	(152.094.658)
Chứng chỉ quỹ (*)						
VCAMBF	75.991.397.358	107.198.867.807	-	75.911.450.450	108.245.615.158	-
VCAMFI	16.712.081.294	20.475.563.206	-	18.188.280.885	21.811.324.007	-
VCAMDF	2.574.113.000	2.881.089.215	-	2.573.981.187	2.886.855.982	-
	95.277.591.652	130.555.520.228	-	96.673.712.522	132.943.795.147	-
	203.965.696.836	235.754.028.728	(4.292.237.026)	126.914.479.118	163.742.990.747	(152.094.658)

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 67,34% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ VCAMBF (31/12/2025: 69,59%); 10,48% số lượng chứng chỉ quỹ của Quỹ VCAMFI (31/12/2025: 46,94%) và 7,97% số lượng chứng chỉ quỹ của Quỹ VCAMDF (31/12/2025: 5,73%).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Hợp đồng tiền gửi (*)	1.200.000.000	3.100.000.000

(*) Số dư tại ngày 30/6/2026 bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,50%/năm đến 4,75%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam.

(iii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	152.094.658	31.071.395
Trích lập dự phòng trong kỳ	4.140.142.368	2.197.700.938
Số cuối kỳ	4.292.237.026	2.228.772.333

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải thu từ bán cổ phiếu	-	4.996.583.865

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải thu phí quản lý quỹ	409.097.129	282.853.214
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	168.075.847	69.662.561
Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	510.690.480	102.397.643
	1.087.863.456	454.913.418

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tạm ứng cho nhân viên	143.317.438	188.258.603
Phải thu lãi tiền gửi	8.117.808	76.742.740
Phải thu ngắn hạn khác	6.081.085	5.630.416
	157.516.331	270.631.759

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	673.473.621	376.173.807
- Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	429.992.500	212.933.333
- Phí khám sức khỏe	122.384.706	47.385.000
- Cước phí internet	68.257.055	3.784.000
- Phí dịch vụ tích hợp và chữ ký số	22.430.920	42.196.000
- Phí bảo trì, lắp đặt	19.848.240	19.051.200
- Bảo hiểm nhân viên	-	36.016.840
- Khác	10.560.200	14.807.434
Chi phí trả trước dài hạn	377.452.653	178.473.241
- Chi phí thiết bị văn phòng	157.702.339	131.359.222
- Phí làm huy hiệu	104.624.000	-
- Phí phần mềm trả trước	15.874.649	10.900.517
- Phí lưu kho	30.958.200	4.633.200
- Phí khám sức khỏe	-	2.160.000
- Khác	68.293.465	29.420.302
	1.050.926.274	554.647.048

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Đặt cọc thuê văn phòng	689.050.372	602.981.700
Khác	18.450.000	18.450.000
	707.500.372	621.431.700

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

11.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ và cuối kỳ	1.570.866.516	1.616.307.528	3.187.174.044
Khấu hao lũy kế			
Số đầu kỳ	1.393.935.775	1.461.578.086	2.855.513.861
Khấu hao trong kỳ	151.654.902	42.198.948	193.853.850
Số cuối kỳ	1.545.590.677	1.503.777.034	3.049.367.711
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	176.930.741	154.729.442	331.660.183
Số cuối kỳ	25.275.839	112.530.494	137.806.333

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 1.248.635.545 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.248.635.545 VND).

11.2 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số đầu kỳ và cuối kỳ	844.609.998
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu kỳ	795.026.658
Hao mòn trong kỳ	17.500.002
Số cuối kỳ	812.526.660
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	49.583.340
Số cuối kỳ	32.083.338

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 739.610.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 739.610.000 VND).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026			Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
	Tỷ lệ (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures (i)	39,00	1.891.500.000	(1.049.220.050)	39,00	1.891.500.000	(1.049.220.050)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt (ii)	36,00	2.989.795.918	(2.989.795.918)	36,00	2.989.795.918	(2.989.795.918)
		4.881.295.918	(4.039.015.968)		4.881.295.918	(4.039.015.968)
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư SCOMMERCE (iii)	2,71	4.028.559.360	-	0,00	-	-
		8.909.855.278	(4.039.015.968)		4.881.295.918	(4.039.015.968)

- (i) Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0315257305 ngày 5 tháng 9 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính. Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures bắt đầu hoạt động từ ngày 5 tháng 9 năm 2018.
- (ii) Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0316963455 ngày 28 tháng 9 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt bắt đầu hoạt động từ ngày 28 tháng 9 năm 2021.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư SCOMMERCE được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312724449 ngày 4 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu, cập nhật lần thứ 27 ngày 5 tháng 2 năm 2026. Hoạt động chính của công ty là kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý. Công ty Cổ phần Đầu tư SCOMMERCE bắt đầu hoạt động từ ngày 14 tháng 4 năm 2014.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ và cuối kỳ	(4.039.015.968)	(1.215.359.850)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Phải nộp trong kỳ VND	Đã trả trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(399.032.242)	-	-	(399.032.242)
Thuế thu nhập cá nhân	458.455.245	1.174.445.370	(1.368.816.887)	264.083.728
Thuế giá trị gia tăng	-	719.398	(719.398)	-
	59.423.003	1.175.164.768	(1.369.536.285)	(134.948.514)
Trong đó:				
Phải thu	(399.032.242)			(399.032.242)
Phải nộp	458.455.245			264.083.728

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Chi phí phải trả đào tạo nhân viên	612.100.000	-
Chi phí dịch vụ chuyên môn	108.000.000	140.400.000
Chi phí phải trả thù lao	98.100.000	-
Chi phí phải trả khác	351.651.514	244.715.380
	1.169.851.514	385.115.380

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả khác	30.031.523	23.598.632

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (cổ phiếu)
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông		
- Số cổ phần phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
- Số cổ phần phổ thông	20.000.000	20.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025.

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Chi tiết số dư tiền gửi nhà đầu tư ủy thác:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Nhà đầu tư 021715 (i)	14.719.726.302	19.420.694.990
Nhà đầu tư 729583 (ii)	6.442.740.231	116.456.071
Nhà đầu tư 000039 (iii)	6.284.838.007	4.856.088.255
Nhà đầu tư 000041 (iv)	4.200.271.307	637.694.865
Nhà đầu tư 000045 (v)	540.725.914	-
Nhà đầu tư 000040 (vi)	393.243.451	132.277.375
Nhà đầu tư 000044 (vii)	340.618.158	-
Nhà đầu tư 000017 (viii)	223.579.518	27.361.520
Nhà đầu tư 000011 (ix)	81.215.511	36.522.891
Nhà đầu tư 000043 (x)	67.127.639	115.693.463
Nhà đầu tư 000012 (xi)	48.930.841	50.736.147
Nhà đầu tư 000049 (xii)	36.068.510	-
Nhà đầu tư 000050 (xiii)	18.552.665	-
Nhà đầu tư 000010 (xiv)	9.006.491	16.251.254
Nhà đầu tư 000009 (xv)	2.328.468	1.182.474
Nhà đầu tư 000008 (xvi)	562.911	1.521.310
Nhà đầu tư 000013 (xvii)	71.579	726.365
	33.409.607.503	25.413.206.980

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) Nhà đầu tư 021715

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	19.420.694.990	-
Tăng trong kỳ	165.778.465.549	-
- Lãi, cổ tức nhận được	472.212.549	-
- Bán chứng khoán đầu tư	130.476.245.000	-
- Nhận tiền ủy thác	20.200.000.000	-
- Tăng khác	14.630.008.000	-
Giảm trong kỳ	(170.479.434.237)	-
- Các loại phí và thuế	(821.937.276)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(155.016.027.240)	-
- Chi khác	(14.641.469.721)	-
Số cuối kỳ	14.719.726.302	-

(ii) Nhà đầu tư 729583

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	116.456.071	2.556.971.661
Tăng trong kỳ	319.995.526.517	158.097.718.008
- Lãi, cổ tức nhận được	287.402.905	108.848.200
- Bán chứng khoán đầu tư	226.805.950.000	137.092.638.000
- Nhận tiền ủy thác	29.552.600.000	-
- Tăng khác	63.349.573.612	20.896.231.808
Giảm trong kỳ	(313.669.242.357)	(159.723.672.196)
- Các loại phí và thuế	(922.153.164)	(693.020.973)
- Mua chứng khoán đầu tư	(216.145.415.000)	(138.172.434.000)
- Rút tiền ủy thác	(33.171.116.388)	-
- Chi khác	(63.430.557.805)	(20.858.217.223)
Số cuối kỳ	6.442.740.231	931.017.473

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(iii) Nhà đầu tư 000039

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	4.856.088.255	75.803.207
Tăng trong kỳ	76.267.214.596	12.941.668.152
- Lãi, cổ tức nhận được	144.979.596	13.750.902
- Bán chứng khoán đầu tư	50.070.235.000	7.927.917.250
- Nhận tiền ủy thác	10.100.000.000	5.000.000.000
- Tăng khác	15.952.000.000	-
Giảm trong kỳ	(74.838.464.844)	(12.174.654.758)
- Các loại phí và thuế	(236.527.860)	(40.419.758)
- Mua chứng khoán đầu tư	(58.639.346.120)	(12.134.235.000)
- Chi khác	(15.962.590.864)	-
Số cuối kỳ	6.284.838.007	842.816.601

(iv) Nhà đầu tư 000041

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	637.694.865	1.474.001.270
Tăng trong kỳ	173.395.171.874	18.687.121.731
- Lãi, cổ tức nhận được	44.063.270	514.631.731
- Bán chứng khoán đầu tư	173.351.108.604	18.172.490.000
Giảm trong kỳ	(169.832.595.432)	(20.060.230.503)
- Các loại phí và thuế	(496.584.832)	(69.645.503)
- Mua chứng khoán đầu tư	(169.336.010.600)	(19.990.585.000)
Số cuối kỳ	4.200.271.307	100.892.498

(v) Nhà đầu tư 000045

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	150.793.274.630	-
- Lãi, cổ tức nhận được	43.274.630	-
- Nhận tiền ủy thác	150.000.000.000	-
- Tăng khác	750.000.000	-
Giảm trong kỳ	(150.252.548.716)	-
- Các loại phí và thuế	(256.904.316)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(149.995.644.400)	-
Số cuối kỳ	540.725.914	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(vi) Nhà đầu tư 000040

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	132.277.375	263.271.971
Tăng trong kỳ	1.860.121.737	3.391.436.556
- Lãi, cổ tức nhận được	5.461.737	5.846.556
- Bán chứng khoán đầu tư	1.854.660.000	3.385.590.000
Giảm trong kỳ	(1.599.155.661)	(3.499.985.171)
- Các loại phí và thuế	(12.406.861)	(21.045.171)
- Mua chứng khoán đầu tư	(1.586.748.800)	(3.478.940.000)
Số cuối kỳ	393.243.451	154.723.356

(vii) Nhà đầu tư 000044

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	50.516.546.194	-
- Lãi, cổ tức nhận được	16.546.194	-
- Nhận tiền ủy thác	50.500.000.000	-
Giảm trong kỳ	(50.175.928.036)	-
- Các loại phí và thuế	(180.876.916)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(49.995.051.120)	-
Số cuối kỳ	340.618.158	-

(viii) Nhà đầu tư 000017

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	27.361.520	18.408.190
Tăng trong kỳ	25.251.119.169	12.000.199.982
- Lãi, cổ tức nhận được	1.119.169	199.982
- Nhận tiền ủy thác	25.250.000.000	12.000.000.000
Giảm trong kỳ	(25.054.901.171)	(11.986.069.818)
- Các loại phí và thuế	(59.998.371)	(3.869.818)
- Mua chứng khoán đầu tư	(24.994.902.800)	(11.982.200.000)
Số cuối kỳ	223.579.518	32.538.354

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(ix) Nhà đầu tư 000011

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	36.522.891	46.321.055
Tăng trong kỳ	591.822.051	839.966.032
- Lãi, cổ tức nhận được	35.706.905	8.175.232
- Bán chứng khoán đầu tư	556.115.146	831.790.800
Giảm trong kỳ	(547.129.431)	(820.804.305)
- Các loại phí và thuế	(15.729.431)	(7.174.305)
- Mua chứng khoán đầu tư	(531.400.000)	(813.630.000)
Số cuối kỳ	81.215.511	65.482.782

(x) Nhà đầu tư 000043

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	115.693.463	-
Tăng trong kỳ	93.150	-
- Lãi, cổ tức nhận được	93.150	-
Giảm trong kỳ	(48.658.974)	-
- Các loại phí và thuế	(48.658.974)	-
Số cuối kỳ	67.127.639	-

(xi) Nhà đầu tư 000012

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	50.736.147	54.231.021
Tăng trong kỳ	49.694	53.342
- Lãi, cổ tức nhận được	49.694	53.342
Giảm trong kỳ	(1.855.000)	(1.800.000)
- Các loại phí và thuế	(1.855.000)	(1.800.000)
Số cuối kỳ	48.930.841	52.484.363

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xii) Nhà đầu tư 000049

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	5.051.268.453	-
- Lãi, cổ tức nhận được	1.268.453	-
- Nhận tiền ủy thác	5.050.000.000	-
Giảm trong kỳ	(5.015.199.943)	-
- Các loại phí và thuế	(16.219.383)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(4.998.980.560)	-
Số cuối kỳ	36.068.510	-

(xiii) Nhà đầu tư 000050

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	4.020.099.429	-
- Lãi, cổ tức nhận được	99.429	-
- Nhận tiền ủy thác	4.020.000.000	-
Giảm trong kỳ	(4.001.546.764)	-
- Các loại phí và thuế	(4.460.524)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(3.997.086.240)	-
Số cuối kỳ	18.552.665	-

(xiv) Nhà đầu tư 000010

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	16.251.254	2.515.629
Tăng trong kỳ	10.237	1.748
- Lãi, cổ tức nhận được	10.237	1.748
Giảm trong kỳ	(7.255.000)	(1.800.000)
- Các loại phí và thuế	(7.255.000)	(1.800.000)
Số cuối kỳ	9.006.491	717.377

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xv) Nhà đầu tư 000009

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	1.182.474	107.658
Tăng trong kỳ	2.400.994	5.002.018
- Lãi, cổ tức nhận được	994	2.018
- Tăng khác	2.400.000	5.000.000
Giảm trong kỳ	(1.255.000)	(3.154.854)
- Các loại phí và thuế	(1.255.000)	(3.154.854)
Số cuối kỳ	2.328.468	1.954.822

(xvi) Nhà đầu tư 000008

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	1.521.310	193.666
Tăng trong kỳ	3.393.107	53.184.519
- Lãi, cổ tức nhận được	1.098	8.375
- Tăng khác	3.392.009	53.176.144
Giảm trong kỳ	(4.351.506)	(46.118.346)
- Các loại phí và thuế	(4.351.506)	(46.118.346)
Số cuối kỳ	562.911	7.259.839

(xvii) Nhà đầu tư 000013

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	726.365	4.321.150
Tăng trong kỳ	214	3.548
- Lãi, cổ tức nhận được	214	3.548
Giảm trong kỳ	(655.000)	(1.800.000)
- Các loại phí và thuế	(655.000)	(1.800.000)
Số cuối kỳ	71.579	2.524.698

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xviii) Nhà đầu tư 000015

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	-	11.621.617
Tăng trong kỳ	-	10.831
- Lãi, cổ tức nhận được	-	10.831
Giảm trong kỳ	-	(1.500.000)
- Các loại phí và thuế	-	(1.500.000)
Số cuối kỳ	-	10.132.448

Chi tiết biến động tiền nhà đầu tư ủy thác trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	25.413.206.980	6.775.130.735
Tăng trong kỳ	973.526.577.595	224.458.448.431
Giảm trong kỳ	(965.530.177.072)	(229.031.034.555)
Số cuối kỳ	33.409.607.503	2.202.544.611

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Cổ phiếu	480.479.219.428	233.910.973.195
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	139.847.404.448	157.254.706.695
<i>Trong đó, phần giá trị suy giảm của các cổ phiếu bị giảm giá trị:</i>		
PVS	1.472.321.518	-
GVR	1.086.189.346	-
MSN	938.380.000	-
SSI	677.950.000	-
TLG	643.711.889	40.133.253
CTG	587.965.000	-
TPB	542.336.770	898.754.418
FOX	402.980.000	-
IDC	324.495.310	430.532.656
VGC	121.341.522	-
VND	67.000.000	-
ACB	-	1.072.548.599
MBS	-	940.096.287
DIG	-	718.285.714
VIB	-	684.110.814
KSB	-	636.343.594
HPG	-	503.550.224
VLC	-	284.922.297
FPT	-	272.791.600
VIX	-	263.119.489
FCN	-	170.742.421
VRE	-	159.303.536
DCM	-	106.878.850
PLX	-	95.328.716
PC1	-	64.116.499
TCB	-	50.765.350
HAH	-	5.733.507
SHS	-	4.561.007
VPB	-	180.345
Cổ phiếu chưa niêm yết	340.631.814.980	76.656.266.500
CTCP CMEGO	17.471.250.000	17.471.250.000
CTCP E2	3.215.516.500	3.215.516.500
CTCP Đầu Tư Uppingham School Vietnam	16.979.500.000	16.979.500.000
CTCP Uppingham School Vietnam - Hưng Yên	38.990.000.000	38.990.000.000
CTCP Đầu tư Scommerce	263.975.548.480	-
	480.479.219.428	233.910.973.195

19. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải thu tiền bán chứng khoán	746.890.000	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả Ngân hàng lưu ký	7.283.037	16.335.659
Phải trả phí quản lý	22.105.573	63.333.862
Phải trả công ty chứng khoán	821.579	3.545.310.000
Phải trả thuế thu nhập cá nhân từ trái tức	746.890	-
	30.957.079	3.624.979.521

21. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ (*)	1.819.594.214	1.524.729.837
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	985.866.516	105.815.280
Doanh thu khác	926.661.054	256.896.013
	3.732.121.784	1.887.441.130

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("VCAMBF"), Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt ("VCAMFI") và Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery ("VCAMDF") là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký cập nhật mới nhất	Giá trị tài sản ròng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
VCAMBF	Quỹ mở	Số 03 /GCN-UBCK ngày 2 tháng 4 năm 2019	159.183.358.722	155.556.615.801
VCAMFI	Quỹ mở	Số 313/GCN-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2025	195.358.323.945	46.463.895.272
VCAMDF	Quỹ mở	Số 51/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2024	36.153.379.137	50.378.399.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

21. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

Theo điều lệ quỹ của VCAMBF, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 1,2%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAMBF.

Theo điều lệ quỹ của VCAMFI, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 1,0%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAMFI. Từ ngày 21 tháng 1 năm 2025 đến 28 tháng 6 năm 2026, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 1,4%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAMFI.

Theo điều lệ quỹ của VCAMDF, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 1,5%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAMDF.

Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ của VCAMBF, VCAMFI và VCAMDF lần lượt là 0,5% giá trị đăng ký mua và 0% đến 1,0% giá trị bán thực hiện tùy thời gian nắm giữ.

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Chi phí nhân viên	8.389.001.492	6.584.344.009
Chi phí hoạt động quản lý	1.267.035.538	1.292.446.040
Chi phí thuê văn phòng	1.087.120.426	954.880.125
Chi phí tư vấn quản lý quỹ	402.360.000	206.573.545
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	149.511.716	188.789.465
Chi phí khác	376.266.996	369.094.926
	11.671.296.168	9.596.128.110

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	14.373.239.410	11.466.800.329
Cổ tức, lợi nhuận được chia	852.500.000	1.008.150.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	75.273.328	149.744.281
	15.301.012.738	12.624.694.610

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	12.510.536.529	4.525.053.377
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	4.140.142.368	2.197.700.938
Chi phí môi giới	1.141.330.245	-
	17.792.009.142	6.722.754.315

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.416.083.225	2.422.557.174
Chi phí thuê văn phòng	409.422.003	352.385.139
Chi phí dịch vụ tư vấn	107.552.400	76.282.114
Chi phí thù lao Hội đồng quản trị	96.558.000	88.671.000
Chi phí khấu hao	61.842.136	69.373.331
Chi phí quảng cáo	40.059.360	-
Thuế, phí, lệ phí	18.578.250	18.627.897
Khác	671.144.285	558.120.035
	4.821.239.659	3.586.016.690

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (năm trước: 20%) lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(15.304.468.513)	(5.439.552.657)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (năm trước: 20%)	(3.060.893.703)	(1.087.910.531)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế TNDN	23.736.474	18.926.600
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Doanh thu cổ tức không chịu thuế	(170.500.000)	(201.630.000)
- Lỗ tính thuế chưa sử dụng	3.207.657.229	1.270.613.931
Chi phí thuế TNDN ước tính	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	52.423.738
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	-	52.423.738

26.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế với tổng giá trị là 22.429.233.566 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2025: 6.390.947.421 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh (*)	Năm cuối chuyển lỗ	Lỗ tính thuế VND	Số lỗ tính thuế đã sử dụng đến cuối kỳ trước VND	Chuyển lỗ trong kỳ VND	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại cuối kỳ này VND
2022	2027	15.301.274.567	8.910.327.146	-	6.390.947.421
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	2031	16.038.286.145	-	-	16.038.286.145
		31.339.560.712	8.910.327.146	-	22.429.233.566

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế chưa sử dụng	22.429.233.566	4.485.846.713	6.390.947.421	1.278.189.484

27. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND (trình bày lại)
Lỗ thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty	(15.304.468.513)	(5.491.976.395)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	20.000.000	19.254.907
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(765)	(285)

Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ 33,09819% thực hiện trong năm 2025.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con);
 - có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
 - có quyền đồng kiểm soát Công ty;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chủ chốt của Công ty hoặc Công ty mẹ;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND (trình bày lại)</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures	Công ty liên kết	Phí quản lý danh mục đầu tư	-	1.354.854
Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt	Công ty liên kết	Đầu tư vào công ty liên kết	-	2.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan	Gửi tiền gửi có kỳ hạn Rút tiền gửi có kỳ hạn Nhận lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.000.000.000 (33.100.000.000) 95.873.153	6.000.000.000 (43.000.000.000) 151.471.233
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	(5.505.000.000)	-
VCAMBF	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ Mua chứng chỉ quỹ Bán chứng chỉ quỹ	949.748.766 137.310.000 (84.402.263)	718.526.320 139.000.000 (68.191.592)
VCAMFI	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ Mua chứng chỉ quỹ Bán chứng chỉ quỹ	502.544.943 29.850.000 (1.835.694.000)	447.173.482 24.000.000 -
VCAMDF	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ Mua chứng chỉ quỹ Bán chứng chỉ quỹ	367.300.505 29.850.000 (34.457.600)	359.030.035 2.530.000.000 (6.915.094)
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc		Lương, thù lao trợ cấp	2.474.000.000	2.296.400.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Sổ dư các khoản phải thu/phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures	Công ty liên kết	Đầu tư vào công ty liên kết	1.891.500.000	1.891.500.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt	Công ty liên kết	Đầu tư vào công ty liên kết	2.989.795.918	2.989.795.918
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan	Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	30.100.000.000
		Tiền gửi không kỳ hạn	49.635.081	51.241.332
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.726.027	76.742.740
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	14.758.471.447	19.906.775.440
VCAMBF	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn	75.991.397.358	75.911.450.450
		Phải thu phí quản lý	156.212.769	155.315.801
		Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	4.663.044	94.930.497
VCAMFI	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn	16.712.081.294	18.188.280.885
		Phải thu phí quản lý	204.911.149	62.843.316
		Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	500.240.423	961.867
VCAMDF	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn	2.574.113.000	2.573.981.187
		Phải thu phí quản lý	47.973.211	64.694.097
		Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	5.787.013	6.505.279

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

29.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

29.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi giao dịch tại công ty chứng khoán, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

29.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2026					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.995.866.163	-	-	-	15.995.866.163
Đầu tư ngắn hạn - gộp	203.965.696.836	-	1.200.000.000	-	205.165.696.836
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	1.087.863.456	-	-	1.087.863.456
Các khoản phải thu khác	-	14.198.893	143.317.438	-	157.516.331
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	707.500.372	707.500.372
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết - gộp	-	-	-	4.881.295.918	4.881.295.918
Đầu tư dài hạn khác - gộp	-	-	-	4.028.559.360	4.028.559.360
	219.961.562.999	1.102.062.349	1.343.317.438	9.617.355.650	232.024.298.436
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	1.169.851.514	-	-	1.169.851.514
Phải trả ngắn hạn khác	-	30.031.523	-	-	30.031.523
	-	1.199.883.037	-	-	1.199.883.037
Trạng thái thanh khoản ròng	219.961.562.999	(97.820.688)	1.343.317.438	9.617.355.650	230.824.415.399

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.904.016.669	27.000.000.000	-	-	100.904.016.669
Đầu tư ngắn hạn - gộp	126.914.479.118	-	3.100.000.000	-	130.014.479.118
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	4.996.583.865	-	-	4.996.583.865
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	454.913.418	-	-	454.913.418
Các khoản phải thu khác	-	82.373.156	188.258.603	-	270.631.759
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	621.431.700	621.431.700
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết - gộp	-	-	-	4.881.295.918	4.881.295.918
	200.818.495.787	32.533.870.439	3.288.258.603	5.502.727.618	242.143.352.447
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	385.115.380	-	-	385.115.380
Phải trả ngắn hạn khác	-	23.598.632	-	-	23.598.632
	-	408.714.012	-	-	408.714.012
Trạng thái thanh khoản ròng	200.818.495.787	32.125.156.427	3.288.258.603	5.502.727.618	241.734.638.435

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

30. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.995.866.163	15.995.866.163	100.904.016.669	100.904.016.669
Đầu tư ngắn hạn	200.873.459.810	236.954.028.728	129.862.384.460	166.842.990.747
- Cổ phiếu niêm yết và UPCoM, cổ phiếu chưa niêm yết	104.395.868.158	105.198.508.500	30.088.671.938	30.799.195.600
- Chứng chỉ quỹ	95.277.591.652	130.555.520.228	96.673.712.522	132.943.795.147
- Hợp đồng tiền gửi	1.200.000.000	1.200.000.000	3.100.000.000	3.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	-	4.996.583.865	4.996.583.865
Phải thu từ các hoạt động nghiệp vụ	1.087.863.456	1.087.863.456	454.913.418	454.913.418
Các khoản phải thu khác	157.516.331	157.516.331	270.631.759	270.631.759
Phải thu dài hạn khác	707.500.372	707.500.372	621.431.700	621.431.700
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	4.881.295.918	(*)	4.881.295.918	(*)
Đầu tư dài hạn khác	4.028.559.360	(*)	-	-
	227.732.061.410		241.991.257.789	
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	1.169.851.514	1.169.851.514	385.115.380	385.115.380
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30.031.523	30.031.523	23.598.632	23.598.632
	1.199.883.037		408.714.012	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Cơ sở xác định giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM"), giá hợp lý là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Trong vòng một (1) năm	2.070.959.578	2.738.254.686
Từ một (1) đến năm (5) năm	-	568.807.652
	2.070.959.578	3.307.062.338



32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán

Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc



